

“VÀ” TRONG CÁCH VIẾT CỦA MỘT SỐ HỌC VIÊN NGƯỜI HÀN QUỐC

“VÀ” IN THE WAY OF WRITING BY SOME KOREAN LEARNERS

NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN

(TS; Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP HCM)

Abstract: *Và* is a conjunction that connects two words, phrases or clauses to indicate their cohesion. However some Korean learners use *và* in a wrong way. This causes errors of sentence construction, errors in bound morphology (e.g. lack of grammatical correspondence between constituents, degree of congruence between expanding a predicate by a syntagm that begins with *và*). It also leads to a misuse between *và* and *còn*, *nhưng* or *ngoài ra* as well as to sentence ambiguity in grammar and representational meanings. Explaining the uses of “*và*” and distinguishing them with those of other conjunctions that have similar representational meanings and providing exercises will help the learners to correct the mentioned errors.

Key words: *và*; conjunction; Korean learners.

1. Ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ đến việc học ngoại ngữ thứ hai để lại dấu ấn trong cách dùng từ, cách sử dụng câu khi nói hoặc viết của người học. Điều này thường được thể hiện qua việc sắp xếp từ ngữ không theo trật tự tuyến tính của logic ngôn từ mà chúng ta thường gọi là lỗi về trật tự từ. Ngoài ra, một nhược điểm khác của những người học ngôn ngữ đích chưa sâu là việc sử dụng cấu trúc câu chưa chính xác, nghĩa là câu không đúng ngữ pháp. Không chỉ có ngôn ngữ thứ nhất, kiến thức về một ngôn ngữ khác, ngôn ngữ thứ hai chẳng hạn, trước khi bước vào con đường chinh phục ngoại ngữ đang học, cũng chi phối ít hoặc nhiều đến việc học của người đang ở giai đoạn khởi đầu. Trong giai đoạn này, việc tiếp thu một ngôn ngữ không phải là tiếng mẹ đẻ thường diễn ra bằng quá trình dịch một đối một (word-for-word translations of phrases) hoặc ngược lại, tư duy bằng ngôn ngữ thứ nhất rồi chuyển dịch sang ngôn ngữ thứ hai. Lỗi về cách dùng từ, cũng như lỗi khi sử dụng cấu trúc câu tiếng Việt của một số học viên người Hàn Quốc khi học tiếng Việt cũng không phải là một ngoại lệ. Trong phạm vi bài viết này, việc phân tích cách sử dụng từ

và trong bài viết của học viên thuộc quốc tịch vừa nêu sẽ là một gợi ý để người học lẫn người dạy có thêm kinh nghiệm trong việc khắc phục lỗi có liên quan đến kết tổ này.

2. Quan sát các câu sau:

1) *Ba em là nhân viên công ti và mẹ em ốm.*

2) *Tôi là sinh viên năm thứ ba và học tiếng Việt.*

3) *Khi em qua đường, em rất sợ và nguy hiểm.*

4) *Nhà cho thuê có giấy phép cho người nước ngoài và an ninh.*

5) *Tôi không thích mùa đông và tôi thích mùa xuân.*

Nếu xem quan hệ liên hợp là quan hệ giữa các phần, các bộ phận cùng loại, cùng chất được kết hợp với nhau trong một tổng thể theo một trật tự nhất định thì có thể nói rằng không phải bất kì thao tác kết hợp tùy tiện các từ, các ngữ đoạn với nhau thành một đơn vị lớn hơn đều dẫn đến quan hệ liên hợp giữa các thành tố tham gia. Để xác định quan hệ này, căn cứ vào sự xuất hiện của kết tổ và trong ngữ đoạn chỉ là cơ sở ban đầu. Tiếp đến việc xét xem với vị trí hiện có, yếu tố kết nối

không thể bỏ qua, đặc biệt khi đối tượng khảo sát là câu viết có sử dụng từ *và* của một số học viên người Hàn Quốc. Trong trường hợp của câu (1), hai tiểu cú (*ba em là nhân viên công ti, mẹ em ốm*) bị nhầm tưởng là có quan hệ liên hợp. Do vậy, *và* được chọn làm yếu tố kết nối để làm rõ quan hệ này. Tuy vậy nghĩa của cả cấu trúc không phản ánh quan hệ liên hợp, mà chỉ nêu thông tin về hai nhân vật được đề cập đến, một người là nhân viên công ti (ba), một người bị ốm (mẹ). Để thể hiện quan hệ này, việc dùng từ *còn* sẽ có khả năng làm cho thông tin về sự tình trong (1) trở nên hợp lí hơn. Trong trường hợp này có thể giả định rằng nguyên nhân gây lỗi là do quan hệ liên tưởng của người viết về việc “ba” và “mẹ” vốn dĩ được xem là hai từ có quan hệ song hành trong những câu đại loại như “Ba và mẹ em cùng tuổi” hoặc “Ba và mẹ em đều làm việc vất vả để kiếm tiền nuôi các con ăn học.”, v.v.. Tuy vậy, hai danh từ này trong hai cấu trúc câu vừa nêu đều là thành tố của cùng một tổ hợp (“ba và mẹ em”) có cương vị nhất định trong câu, và đều được kết nối bằng một liên từ có chức năng biểu thị quan hệ liên hợp đồng chất.

Tương tự như trường hợp của (1), và trong câu (2) không những không thể hành chức với vai trò là kết tố biểu thị quan hệ liên hợp mà cũng không thể làm rõ được sự phù ứng về mặt ngữ nghĩa giữa các tham tố trong câu. Trong ví dụ đang khảo sát, người viết đã có một sự mơ hồ nào đó khi gán ghép sự tình trong về trước (*là sinh viên năm thứ ba*) với sự tình ở về sau (*học tiếng Việt*). Điều này làm ta liên tưởng đến tình trạng của câu (1) trên. Phải chăng với người viết giữa những từ ngữ cùng hoặc có phạm trù gần nhau như *bố, mẹ* (trong câu 1) hoặc *sinh viên, học* (trong câu 2) vốn dĩ đã có quan hệ liên hợp? Nhận diện quan hệ liên hợp không đơn giản như vậy. Nếu so nghĩa nguyên văn của từ với nghĩa từ vựng của đơn vị đó khi hoạt động

trong các câu (1, 2) sẽ không thấy có gì khác biệt. Tuy vậy khi khảo sát hoạt động của từ ngữ trong câu, không chỉ xem xét chúng dưới góc độ nghĩa học mà còn phải lưu ý đến giá trị dụng pháp của từ trong mối tương quan với những thành tố khác trong câu. Những từ ngữ như vậy (trong hai câu đã nêu) tùy theo vị trí của mình sẽ hành chức đúng với cương vị của chúng. Trong câu (2), phần câu xuất hiện trước (*tôi là sinh viên năm thứ ba*) đương nhiên được xem là một chỉnh thể cả về ngữ nghĩa lẫn ngữ pháp nếu câu viết chỉ dừng lại ở đó. Phần được thêm vào phía sau (*và học tiếng Việt*), với mục đích thuyết minh thêm về công việc hiện tại của chủ thể (*tôi*) nhờ vào bước trung chuyển của kết tố lại làm hỏng cả chỉnh thể. Từ thực tại khách quan đến việc cấu trúc hoá lại sự thể là một quá trình cần tuân theo những quy tắc nhất định. Những liên tưởng mang tính vô đoán hoặc tùy tiện dẫn đến những cấu trúc mơ hồ không thể tạo ra những câu đúng ngữ pháp và có nghĩa minh xác. Muốn kết chuỗi các từ ngữ như “sinh viên”, “học” không chỉ có cách duy nhất là sử dụng kết tố *và*. Việc tạo ra một cấu trúc Đề -Thuyết mới (*Tôi học tiếng Việt.*) sau phần câu đã nêu (*Tôi là sinh viên năm thứ ba.*) cũng là một cách truyền tải được thông điệp cần phản ánh về sự tình. Hoặc giả nếu muốn làm rõ quan hệ liên hợp giữa hai phần hoặc hai tiểu cú độc lập, việc thêm kết tố *và* vào trước tiểu cú sau (cấu trúc Đề-Thuyết mới tạo ra) cũng là một cách làm chữa lỗi cho trường hợp của câu (2).

Qua hai trường hợp vừa phân tích ở trên, không thể nói rằng việc sử dụng kết tố *và* yêu cầu chỉ có hai đơn vị cùng từ loại mới được kết nối với nhau thông qua kết tố. Tuy vậy, với một số học viên người Hàn Quốc vấn đề này lại được đặt ra, trường hợp của câu (3) là một ví dụ. “Sợ”, “nguy hiểm” đều là tính từ cũng như “thông minh”, “tốt bụng” đều là những từ chỉ tính chất hoặc đặc điểm. Nhưng

chỉ có trường hợp như “Anh ta thông minh và tốt bụng” được chấp nhận là câu đúng vì sự có mặt của kết tố đã làm rõ quan hệ ngữ pháp giữa hai tính từ, đồng thời cũng không làm ảnh hưởng đến chính thể. Trái lại, với phần câu “*Em rất sợ và nguy hiểm*”, do sự có mặt của kết tố nên tính hợp nghĩa giữa các thành tố cần được xem xét lại. Trong (3), ngoài cấu trúc Đề-Thuyết chính, sự xuất hiện của Khung Đề đã không được người viết chú ý khi cơ sở để phân định Đề và Khung Đề đã bị chính người viết xóa nhòa. Về trường hợp nhầm lẫn này, giả định rằng có hai khả năng xảy ra. Một là theo người viết, câu (3) gồm Khung Đề (*khi em qua đường*) và một tiểu cú. Trong đó, Thuyết gồm hai tính từ được kết hợp lại nhờ kết tố (*rất sợ và nguy hiểm*). Nếu người viết tách riêng kết tố cùng với tính từ thêm vào sau, và chỉ dừng lại ở nhận định mang tính tường thuật trạng thái bất an của mình (*rất sợ*) khi sang đường thì vấn đề sẽ khép lại ở đây. Việc xác định phần câu mở đầu (*khi em qua đường*) có phải là Khung Đề hay chỉ là Đề của câu, không cần đặt ra vì sự thể đã được cấu trúc hoá một cách hoàn chỉnh (*Khi em qua đường, em rất sợ*). Tuy nhiên việc mở rộng phần Thuyết bằng một tính từ khác nhờ sự trung gian của kết tố lại làm cho câu viết trở nên chông chênh. Đây không phải là trường hợp duy nhất chúng ta gặp phải khi xem xét sự phù ứng về mặt ngữ nghĩa giữa Đề và Thuyết, giữa Khung Đề và cấu trúc Đề-Thuyết trong một số câu viết của học viên người Hàn Quốc. Rải rác trong các bài viết của người học, ta vẫn thấy các câu kiểu “Phim nào em cũng hay.” hoặc “Áo nào cô ấy cũng đẹp.” So sánh với câu (3), Đề trong hai trường hợp vừa nêu (phim nào, áo nào) mặc nhiên được xem là chủ thể của tình trạng (hay, đẹp). Trong khi đó câu đúng chỉ bao gồm Đề (phim nào, áo nào) và phần nhận định về Đề (cũng hay, cũng đẹp). Trong cấu

trúc có sử dụng yếu tố sóng đôi như ...*nào cũng.../...nào...cũng...* chẳng hạn, vị trí của từng thành tố đã được quy định cụ thể. Với loại câu có chứa *nào cũng* đi liền nhau, *nào* có vị trí sau danh từ tạo thành phần Đề, *cũng* có vị trí trước vị ngữ trong phần Thuyết. Như vậy loại câu này chỉ bao gồm một Đề và một Thuyết, trừ trường hợp có thêm Khung Đề chỉ thời gian, chỉ nơi chốn v.v... Còn trong câu có chứa...*nào...cũng...*, ngoài Đề, phần Thuyết bao giờ cũng là một tiểu cú, gồm một tiểu Đề và một tiểu Thuyết. Trong tiểu cú, trước *cũng* bao giờ cũng là vị trí của danh từ hoặc đại từ nhân xưng, là tiểu Đề, sau *cũng* là vị ngữ của phần tiểu Thuyết. Nhầm lẫn trong cách viết loại câu...*nào...cũng...* bên trên bộc lộ ở sự xuất hiện thêm của tiểu Đề (*em, cô ấy*) trước phần Thuyết nhưng khuyết mất vị từ (*thấy*). Trở lại với câu (3), khả năng thứ hai gây lỗi có thể là do người viết gán cho tính từ thứ hai (*nguy hiểm*) trong phần Thuyết chức năng là Thuyết của Khung Đề, trong khi đó phần câu này (Khung Đề) không thể có phần Thuyết. Thuyết chứa đựng thông tin mới, thông tin nhận định về Đề chứ không phải về Khung Đề. Kết quả của việc Khung Đề bị xem là Đề dẫn đến việc tạo ra một cấu trúc câu không có chút giá trị nào về nghĩa lẫn dụng pháp. (*Khi em qua đường, rất nguy hiểm*). Lỗi này càng trầm trọng hơn khi tính từ thứ hai được cho là có quan hệ ngữ pháp với tính từ thứ nhất (*sợ*) trong tiểu cú (*Em rất sợ*) với kết tố và đứng giữa (*rất sợ và nguy hiểm*). Đề chứa lỗi cho câu (3), sự bỏ khuyết vị từ *thấy* trước tính từ thứ hai (như trường hợp vừa phân tích ở trên) là cách trả lại tính hợp nghĩa, hợp ngữ pháp cho câu này. Lúc đó câu đúng sẽ là “*Khi (em) qua đường, em rất sợ và thấy nguy hiểm*”. Với sự chêm xen thêm vị từ biểu thị cảm giác, nhận thức, kết tố và mới phát huy được cương vị ngữ pháp của mình. Một ý mới được bổ sung thêm, một sự

nhấn mạnh mức độ hơn hẳn về tình trạng hoặc tính chất nhờ sự có mặt của kết tố đã được lưu ý.

Trong tiếng Việt để biểu thị ý bổ sung thêm, kết tố *và* không chỉ là phương tiện duy nhất. Việc sử dụng *ngoài ra* ở đầu câu thứ hai, tiếp sau nhận định đã nêu, cũng là một cách dùng có hiệu quả. Với người nước ngoài học tiếng Việt chưa giỏi, để có sự phân biệt giữa các kết tố có nội dung biểu hiện tương tự như *và*, *ngoài ra* chắc hẳn còn có chỗ lúng túng. Minh họa cho điều này là trường hợp của câu (4). Khi nêu chủ đề (*nhà cho thuê*), người viết nhằm đến hai ý. Một là, “*Nhà cho thuê có giấy phép cho người nước ngoài thuê*”. Hai là, “*Nhà cho thuê an ninh*”. Với thao tác ghép chung hai ý “*có giấy phép*”, “*an ninh*” nhờ sự kết nối của *và*, đồng thời với việc lược bỏ Đề của câu thứ hai, người viết tưởng rằng đây là một câu viết có thể chấp nhận được. Để phân biệt phần được ghép thêm có quan hệ đồng chất với phần đã nêu hay đó chỉ là một ý khác, một tình trạng khác, ngoài ý chính đã nêu trước đó, người học cần liên hệ các trường hợp cùng phản ánh một sự tình duy nhất nhưng nghĩa logic ngôn từ của hai câu do sự có mặt của kết tố tuy không ngược nhau nhưng cũng không thể nói là hoàn toàn như nhau. Chẳng hạn “Mùa hè năm ngoái, gia đình tôi đi Đà Lạt và Nha Trang.”, “Mùa hè năm ngoái, gia đình tôi đi Đà Lạt. *Ngoài ra*, gia đình tôi cũng đi Nha Trang”. Căn cứ vào sự có mặt của kết tố trong câu, ta có thể giải thích về sự khác nhau đó. Trong trường hợp có sử dụng *và*, giữa ý được bổ sung và ý đã nêu trước đó được xác định là có quan hệ liên hợp, liên hợp giữa điểm đến được nêu ra sau (“Nha Trang”) với điểm đến được nêu ra trước (“Đà Lạt”). Hay nói cách khác, việc đưa kết tố *và* vào tổ hợp (“Đà Lạt và Nha Trang”) là có dụng ý của người viết: xác định quan hệ giữa hai danh từ là quan hệ liên hợp. Với dụng ý này kết tố được sử dụng chứ không phải là sự có mặt của một dấu câu nào đó như dấu phẩy chẳng hạn. Riêng với trường hợp sau, ngoài việc tách hai

ý thành hai câu riêng biệt, sự có mặt của kết tố (“ngoài ra”) là nhằm chỉ ra điểm đến khác (“Nha Trang”) ngoài địa điểm đã nêu (“Đà Lạt”). Đến đây có thể nói thêm về quan hệ tăng tiến giữa hai phần câu và ý bổ sung thêm cho câu đã nêu ra trước. Tăng tiến không chỉ được hiểu là có sự tăng thêm về chất lượng hoặc số lượng của cùng một sự thể hay một hành thể. Chẳng hạn, “Mưa bão không những gây ách tắc giao thông mà còn gây thiệt hại về người và của.”. Tăng tiến còn là việc bổ sung thêm một ý khác ngoài ý đã nêu nhằm nhấn mạnh có sự thay đổi về lượng hoặc về chất. So sánh các câu “Đạo này *không* những giá xăng mà giá điện *cũng* tăng lên.”, “Đạo này giá xăng tăng. *Ngoài ra*, giá điện cũng tăng lên.”, “Đạo này giá xăng và giá điện tăng lên.” chúng ta không thấy có bất kì sự khác biệt nào cả về sở chỉ lẫn nội dung biểu hiện. Khác chăng là cách xây dựng mệnh đề, thể hiện ở việc sử dụng kết tố khác nhau nhằm phân biệt ý biểu thị quan hệ tăng tiến; ý bổ sung, thuyết minh thêm; ý biểu thị quan hệ liên hợp. Sự đồng loạt tăng giá hoặc tăng giá xăng và điện trong những thời điểm khá gần nhau được phản ánh trong cùng một cấu trúc hoặc trong hai cấu trúc, qua sự có mặt của kết tố/cặp kết tố đã thể hiện loại quan hệ ngữ pháp mà người viết muốn truyền đạt. Việc lựa chọn từ ngữ để tạo ra ngôn bản hoặc văn bản rồi cấu trúc hoá chúng thành chỉnh thể, hoàn toàn là do chủ ý của người nói/người viết khi muốn truyền đạt thực tại đã/đang tiếp nhận đến đối tượng cụ thể (người nghe hoặc người đọc). Bản thân từng từ ngữ riêng lẻ, và ngay cả kết tố, cũng không tự quyết định được vị trí hoặc sự xuất hiện của mình. Một sự sắp xếp đúng quy tắc ngữ pháp sẽ làm cho những đơn vị riêng lẻ phát huy được công dụng trong tổ chức câu. Sự chuyển vị hoặc sắp xếp tùy tiện chắc hẳn sẽ tạo ra những đơn vị chưa thể được gọi là đúng ngữ pháp hoặc có nghĩa tường minh. Việc xác lập quan hệ giữa các từ ngữ, các phần câu hoặc giữa các câu với nhau cũng đòi hỏi có sự cân nhắc và phân biệt rạch ròi. Với sự có mặt đúng

vị trí, kết tổ trong câu hoặc kết tổ giữa các câu mới thể hiện được vai trò của mình. Và như vậy người học mới tránh được nhầm lẫn đáng tiếc khi viết câu tiếng Việt. Trở lại với câu (4), nguyên nhân gây lỗi nằm ở chỗ người viết cho rằng giữa vị ngữ trong phần Thuyết (*có giấy phép cho người nước ngoài thuê*) và phần được mở rộng (*an ninh*) có quan hệ liên hợp. Sự tình “*có giấy phép*” và sự tình “*an ninh*” tuy phục vụ cho cùng một chủ đề (*nhà cho thuê*) nhưng điều đó không có nghĩa là cả hai có thể kết hợp với nhau theo quan hệ liên hợp. Vì vậy trong câu đang xét, để chữa lỗi, từng sự tình cần được tách ra riêng biệt trong từng tiểu cú riêng, cho dù cùng hướng về một chủ đề. Kết quả ta có hai câu được liên kết với nhau nhờ sự thay và bằng một kết tổ khác: “*Nhà cho thuê có giấy phép cho người nước ngoài thuê. Ngoài ra, nhà cho thuê cũng an ninh.*”. Không chỉ có một cách chữa lỗi duy nhất, việc sử dụng cặp kết tổ biểu thị quan hệ tăng tiến (“không những...mà còn...”) để thay cho kết tổ và cũng làm cho câu (4) trở nên đúng ngữ pháp: “*Nhà cho thuê không những có giấy phép cho người nước ngoài thuê mà còn an ninh.*”

Từ những phân tích về câu (1) và câu (4) bên trên có thể thấy rằng và đã không được đặt đúng vị trí để có thể hành chức đúng cương vị. Nguyên nhân là do kết tổ được nhận diện như là một phần tử có chức năng biểu thị quan hệ liên hợp giữa hai từ hoặc hai phần câu nhưng vị trí đó lại là của một kết tổ khác. Tình hình cũng không có gì khác so với trường hợp của câu (5). Có vẻ như kết tổ và được đưa vào cấu trúc nhằm đảm đương chức năng biểu thị quan hệ liên hợp. Đến đây cần xem lại hai từ nào hoặc hai ngữ đoạn nào trong (5) có thể có quan hệ liên hợp với nhau? Sự có mặt của và giữa hai tiểu cú không tỏ ra có khả năng dẫn đến việc xác lập quan hệ giữa hai bộ phận được kết nối. Ngược lại nó tạo ra một sự mơ hồ khiến người đọc phải suy ngẫm về ý định của người viết khi bắt gặp kết tổ xuất hiện ở vị trí

không phải là của nó. Phải chăng người viết có ý muốn nhấn mạnh về quan hệ liên hợp có thể có giữa hai mùa đang được nhắc đến trong câu (*mùa đông, mùa xuân*) hoặc giữa hai trạng thái trái ngược nhau (*thích, không thích*)? Nhưng ở đây tình hình lại khác. Cả cấu trúc không cho thấy bất kì một quan hệ liên hợp nào giữa các từ ngữ vừa dẫn cho dù có viện đến sự xuất hiện của kết tổ. Có vẻ như lí do nằm ở chỗ người viết không phân biệt được thế nào là quan hệ liên hợp, thế nào là quan hệ tương phản trong câu. Trong tình huống cụ thể, có thể đặt ra câu hỏi đại loại như: “Bạn thích gì và không thích gì khi sống ở nhà thuê hiện nay?” hoặc “Em nên và không nên làm gì để tránh bệnh tay chân miệng?”. Vì sao với hai câu vừa dẫn, sự có mặt của kết tổ và không làm ảnh hưởng hoặc gây xáo trộn cấu trúc? Còn với trường hợp của (5) và bị xem là lạc lõng trong một cấu trúc không cần đến sự có mặt của nó? Với trường hợp thứ nhất, và phát huy được vai trò của mình khi phản ánh được quan hệ liên hợp giữa hai ý “Bạn thích gì khi sống ở nhà thuê hiện nay”, “Bạn không thích gì khi sống ở nhà thuê hiện nay” hoặc “Em nên làm gì để tránh bệnh tay chân miệng”, “Em không nên làm gì để tránh bệnh tay chân miệng”. Những ý đó được cấu trúc hoá lại sau khi tinh lược bớt những từ ngữ trùng lặp, đồng thời với việc đặt kết tổ vào đúng vị trí nhằm nhấn mạnh quan hệ liên hợp giữa hai ý. Riêng trong câu (5), sự thể được tường thuật lại dưới dạng hai tiểu cú. Mỗi cấu trúc gồm một chủ thể (*tôi*), một động từ biểu thị trạng thái (*thích/không thích*) và một đối thể (*mùa đông/mùa xuân*). Quan hệ giữa hai tiểu cú được cho là quan hệ liên hợp, dẫn đến sự xuất hiện của và. Rõ ràng có sự khác nhau về tính đúng ngữ pháp giữa hai câu như “Em thích mùa nào và không thích mùa nào?”, “Tôi không thích mùa đông và tôi thích mùa xuân.”. Khác với câu trước, trong câu sau quan hệ

giữa hai tiểu cú là quan hệ tương phản, chứ không phải quan hệ liên hợp. Ý tương phản thể hiện ở động từ biểu thị trạng thái tình cảm (*thích*) với thể phủ định của động từ biểu thị trạng thái tình cảm trái ngược (*không thích*). Mỗi trạng thái đều có đối tượng cụ thể để hướng đến (*mùa xuân, mùa đông*). Như vậy trong (5) để biểu thị quan hệ tương phản, kết tố duy nhất có thể đảm đương nhiệm vụ này chỉ có thể là *nhưng*, chứ không phải *và*.

Viết câu tiếng Việt nhằm thể hiện nhận định về một sự tình nào đó không phải là việc sắp xếp tùy tiện các từ ngữ, đặc biệt khi muốn làm rõ quan hệ ngữ pháp giữa hai ngữ đoạn nào đó trong câu. Trình bày tư duy dưới dạng văn bản vẫn được xem là phức tạp hơn truyền đạt nhận định bằng ngôn bản. Có thể nói ra mà không cần chú ý nhiều đến cấu trúc câu nhưng không thể viết với tâm thế bất chấp tính hợp nghĩa giữa các thành tố và tính đúng ngữ pháp của câu. Nếu như “Trong câu các thành tố có được một cương vị cú pháp là do chức năng của nó, và chỉ do chức năng của nó mà thôi.” (Cao Xuân Hạo, [2,79]) thì với vai trò là kết tố cấp câu, *và* cũng có cương vị và chức năng riêng trong cấu trúc mà nó xuất hiện. Vấn đề là khi xuất hiện với vai trò là yếu tố thể hiện quan hệ liên hợp, kết tố này phải được đặt đúng vị trí, hành chức đúng vai trò chứ không thể tùy tiện thay thế cho một kết tố khác được dùng để biểu thị một quan hệ ngữ pháp khác. Với trường hợp từ câu (1) đến câu (5) bên trên, nội dung lỗi ngữ pháp nằm ở chỗ người viết có sự lẫn lộn trong việc xác định quan hệ ngữ pháp giữa các ngữ đoạn trong câu, thể hiện qua cách dùng kết tố *và*. Có lúc *và* được xem là có thể đảm đương chức năng kết nối hai tiểu cú có quan hệ đối chiếu, so sánh (trường hợp của 1). Thậm chí kết tố này còn được dùng để thay cho *nhưng*, kết tố chuyên biểu thị quan hệ tương phản (trường hợp của 5). Với trường hợp của câu (2), kết tố lại hiện diện trong phần Thuyết được mở rộng, trong khi phần được

ghép thêm này không đáp ứng được tính hợp nghĩa với ngữ đoạn đi trước. Với hai câu còn lại (3, 4) sự xuất hiện của kết tố không thể nói là sai nhưng cũng thể nói là hoàn toàn có thể chấp nhận được. Lí do là vì ngữ đoạn được kết nối chưa hợp nghĩa với ngữ đoạn đi trước do thiếu những từ ngữ cần thiết. Riêng với trường hợp của câu (3), nội dung lỗi còn ở chỗ có sự nhầm lẫn giữa Chủ Đề và Khung Đề. Chủ Đề được trình bày dưới dạng Khung Đề nên kết quả dẫn đến nhầm lẫn.

Tóm lại với người học tiếng Việt chưa sâu, việc sử dụng kết tố để chúng có thể hành chức đúng cương vị và đúng vị trí không hẳn là việc đơn giản. Những nhầm lẫn đáng tiếc có thể tránh được trong việc sử dụng kết tố, như trường hợp của *và* chẳng hạn, nếu người học lưu ý thêm về: i) giá trị dụng pháp của kết tố, ii) phân biệt nội dung biểu hiện của *và* với nội dung biểu hiện của những kết tố khác, iii) lưu ý tính hợp nghĩa giữa ngữ đoạn xuất hiện sau kết tố với ngữ đoạn trước đó, iv) phân biệt hai loại Đề là Chủ Đề và Khung Đề ... Với những lưu ý này, khi viết câu tiếng Việt có sử dụng từ *và*, hi vọng người học sẽ không bị sa vào cách viết câu không đúng ngữ pháp dẫn đến thiếu sự tường minh trong cách diễn đạt.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb GD.
2. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, quyển 1, Nxb KHXH Hà Nội.
3. Cao Xuân Hạo (1999), *Tiếng Việt - Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb GD.
4. Hoàng Văn Vân (2013), *Tính đa chức năng: Nguyên tắc tổ chức của ngôn ngữ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 7, 2013, (tr. 14-34).

(Ban biên tập nhận ngày 08-11-2013)